

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH C

Bản án số 25/2025/DS-ST

Ngày 29/5/2025

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Ry**.

2. Bà: **Lê Thị Sáu**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảo Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai theo vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 12/02/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 14/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐDS-ST ngày 29/4/2025, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 36/TB-TA ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Minh A, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Đinh Hữu D, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh C.

(Anh A có đơn vắng mặt, vợ chồng ông D, bà E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/8/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/10/2023, vợ chồng ông D bà E đến nhà anh A mượn 1.000.000.000đ để có vốn làm ăn, thời hạn vay trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm vay sẽ trả hết nợ cho anh A. Ngày 21/12/2023 vợ chồng ông D bà E trả cho anh A 500.000.000đ. Hiện nay vợ chồng ông D bà E vẫn còn thiếu anh A 500.000.000đ. Anh A đã nhiều lần gọi điện yêu cầu vợ chồng ông D bà E trả nợ nhưng vợ chồng ông D bà E né tránh không trả số tiền còn lại cho anh A.

Do đó, anh A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D bà E trả cho anh A 500.000.000đ, anh A không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 14/4/2025 anh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông D bà E trả cho anh A số tiền 500.000.000đ, anh A không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình có căn cứ và đúng pháp luật anh A đã cung cấp: Bản gốc giấy vay tiền ngày 26/10/2023 giữa vợ chồng ông Đinh Hữu D, bà Nguyễn Thị E với anh Nguyễn Minh A.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập vợ chồng ông ông D bà E nhiều lần nhưng vợ chồng ông D bà E không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông A; buộc vợ chồng ông D, bà E chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí cho ông A theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Vợ chồng ông ông D bà E vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng; anh A có mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 26/10/2023 và trình bày của anh A thể hiện vợ chồng ông D, bà E có vay của anh A số tiền 1.000.000.000đ, hạn trong vòng 06 tháng kể từ ngày vay sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho anh A. Anh A cho rằng vợ chồng ông D bà E đã trả cho anh A 500.000.000đ vào ngày 21/12/2023. Sau khi trả khoản tiền trên vợ chồng ông D bà E còn nợ lại anh A 500.000.000đ. Do vợ chồng ông D bà E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện đã thanh toán xong khoản vay trên. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào giấy vay tiền ngày 26/10/2023 do anh A cung cấp và trình bày của anh A để buộc vợ chồng ông D bà E có trách nhiệm hoàn trả cho anh A số tiền nợ vay chưa trả là 500.000.000đ. Anh A không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Buộc vợ chồng ông D bà E chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc là 24.000.000đ.

- Hoàn trả anh A số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 4631 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Đinh Hữu D và bà Nguyễn Thị E.

Buộc vợ chồng ông Đinh Hữu D và bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho anh A 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông D, bà E nộp 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

- Hoàn trả cho anh A số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 4631 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh C xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ry

Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Phạm Đức Minh

Nguyễn Văn Linh

